

Số: **80** /2019/TT-BCA

Hà Nội, ngày 27 tháng 12 năm 2019

THÔNG TƯ

Hướng dẫn thực hiện Điều 7, Điều 8 Nghị định số 105/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Cảnh sát môi trường

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Pháp lệnh Cảnh sát môi trường ngày 23 tháng 12 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 105/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Cảnh sát môi trường;

Căn cứ Nghị định số 01/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường,

Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện Điều 7, Điều 8 Nghị định số 105/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Cảnh sát môi trường.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định cụ thể việc thực hiện Điều 7, Điều 8 Nghị định số 105/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Cảnh sát môi trường (sau đây gọi tắt là Nghị định số 105/2015/NĐ-CP), gồm: Trình tự, thủ tục, quyền hạn kiểm tra việc chấp hành pháp luật về môi trường, tài nguyên, an toàn thực phẩm có liên quan đến môi trường (sau đây viết gọn là môi trường, tài nguyên, an toàn thực phẩm); trình tự, thủ tục, quyền hạn kiểm tra phương tiện, đồ vật, địa điểm có liên quan đến tội phạm và vi phạm hành chính về môi trường, tài nguyên, an toàn thực phẩm.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các đơn vị, cán bộ chiến sỹ trong lực lượng Công an nhân dân và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường, tài nguyên, an toàn thực phẩm.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng

1. Tuân thủ quy định của Pháp lệnh Cảnh sát môi trường, Nghị định số 105/2015/NĐ-CP và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đảm bảo đúng mục đích, yêu cầu công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật khác; tôn trọng, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân.

3. Chỉ tiến hành kiểm tra việc chấp hành pháp luật về môi trường, tài nguyên, an toàn thực phẩm; kiểm tra phương tiện, đồ vật, địa điểm có liên quan đến tội phạm và vi phạm hành chính về môi trường, tài nguyên, an toàn thực phẩm khi có căn cứ và có quyết định của người có thẩm quyền theo quy định tại Điều 7, Điều 8, Điều 10 Nghị định số 105/2015/NĐ-CP.

Điều 4. Trách nhiệm của cơ quan, cán bộ tiến hành kiểm tra

1. Thực hiện đúng quy định của Thông tư này và các quy định của pháp luật có liên quan. Chủ động phát hiện, kịp thời đề xuất, kiến nghị với cấp có thẩm quyền, cơ quan chức năng các biện pháp về quản lý nhà nước, khắc phục những sơ hở, thiếu sót là nguyên nhân, điều kiện làm phát sinh hoặc để các đối tượng lợi dụng hoạt động phạm tội, vi phạm pháp luật.

2. Người quyết định kiểm tra phải xem xét đầy đủ căn cứ theo quy định của pháp luật và các điều kiện đảm bảo cho việc thực hiện quyết định kiểm tra khi ra quyết định kiểm tra; chịu trách nhiệm về quyết định của mình trước pháp luật và lãnh đạo cấp trên.

3. Người thực hiện quyết định kiểm tra phải thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ được giao và nội dung quyết định kiểm tra; chấp hành đúng quy định về chế độ thông tin, báo cáo trong Công an nhân dân, không được cung cấp cho người không có trách nhiệm các thông tin, tài liệu liên quan đến các nội dung, hoạt động kiểm tra; chủ động đánh giá tình hình, kịp thời báo cáo đề xuất đối với những vấn đề nảy sinh trong quá trình thực hiện và chấp hành đúng quyết định, chỉ đạo của cơ quan, người có thẩm quyền; không tự ý mở rộng đối tượng, nội dung, phạm vi kiểm tra hoặc lợi dụng việc kiểm tra để sách nhiễu, vụ lợi, gây khó khăn cho hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân; giải thích để đối tượng kiểm tra, người sở hữu, người quản lý đối tượng kiểm tra hiểu đúng và chấp hành các quy định của pháp luật liên quan đến việc kiểm tra khi có yêu cầu; thực hiện có hiệu quả công tác kiểm tra, góp phần nâng cao tính chủ động, hiệu quả phòng ngừa, đấu tranh, xử lý tội phạm, vi phạm pháp luật về môi trường, tài nguyên, an toàn thực phẩm.

4. Trong quá trình thực hiện quyết định kiểm tra mà vị trí, nhiệm vụ công tác của người ban hành quyết định kiểm tra (thuộc quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị

định số 105/2015/NĐ-CP) có thay đổi dẫn đến không còn có thẩm quyền theo quy định thì người thay thế vị trí, nhiệm vụ công tác của người đó (căn cứ theo quyết định bổ nhiệm, điều động hoặc văn bản phân công công tác của cấp có thẩm quyền và biên bản bàn giao công tác trong trường hợp phải bàn giao công tác theo quy định) là người có trách nhiệm tiếp tục chỉ đạo việc thực hiện quyết định kiểm tra; nếu người ban hành quyết định kiểm tra thuộc quy định tại Điều 10 Nghị định số 105/2015/NĐ-CP thì cấp trưởng của người đó có trách nhiệm tiếp tục chỉ đạo việc thực hiện quyết định kiểm tra.

Điều 5. Trách nhiệm và quyền của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có liên quan đến việc áp dụng quy định về kiểm tra tại Điều 7, Điều 8 Nghị định số 105/2015/NĐ-CP

Cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có liên quan đến việc áp dụng quy định về kiểm tra tại Điều 7, Điều 8 Nghị định số 105/2015/NĐ-CP có trách nhiệm nghiêm chỉnh chấp hành quyết định của cấp có thẩm quyền quy định tại Nghị định số 105/2015/NĐ-CP và Thông tư này; có quyền kiến nghị, khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật đối với các quyết định, hành vi của cơ quan, người có thẩm quyền trong quá trình áp dụng, thực hiện các biện pháp phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác về môi trường, tài nguyên, an toàn thực phẩm, nếu có căn cứ cho rằng quyết định, hành vi đó là trái pháp luật.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 6. Trình tự, thủ tục, quyền hạn kiểm tra việc chấp hành pháp luật về môi trường, tài nguyên, an toàn thực phẩm

1. Khi có một trong các căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 105/2015/NĐ-CP thì người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 105/2015/NĐ-CP hoặc người được ủy quyền theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 105/2015/NĐ-CP (sau đây gọi chung là người có thẩm quyền quyết định kiểm tra) xem xét, quyết định kiểm tra việc chấp hành pháp luật về môi trường, tài nguyên, an toàn thực phẩm đối với cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân (là đối tượng kiểm tra).

Quyết định kiểm tra việc chấp hành pháp luật về môi trường, tài nguyên, an toàn thực phẩm (sau đây gọi tắt là quyết định kiểm tra) phải được ban hành bằng văn bản, thể hiện rõ: Căn cứ, đối tượng, nội dung kiểm tra; thời gian hoặc thời hạn tiến hành việc kiểm tra; người thực hiện việc kiểm tra; họ tên, chức vụ, chữ ký của người ra quyết định và đóng dấu của cơ quan của người ra quyết định. Trong đó:

a) Về căn cứ kiểm tra: Ghi căn cứ ra quyết định kiểm tra theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Nghị định số 105/2015/NĐ-CP và các căn cứ pháp lý khác có liên quan.

b) Về đối tượng kiểm tra: Ghi các thông tin nhằm xác định rõ đối tượng kiểm tra (đối với cá nhân là thông tin trên giấy chứng minh nhân dân/căn cước công dân/hộ chiếu; đối với cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp là thông tin trên quyết định thành lập/giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/giấy phép kinh doanh; các thông tin cần thiết khác).

c) Về nội dung kiểm tra: Người có thẩm quyền quyết định kiểm tra xem xét căn cứ ra quyết định kiểm tra và nguyên tắc, mục đích, yêu cầu kiểm tra để xác định nội dung kiểm tra và ghi vào quyết định kiểm tra.

d) Về người thực hiện việc kiểm tra: Tùy theo nội dung, phạm vi, tính chất của cuộc kiểm tra, người ra quyết định kiểm tra thành lập đoàn kiểm tra hoặc tổ kiểm tra; ghi rõ họ tên, cấp bậc, chức vụ, đơn vị công tác của từng thành viên đoàn (tổ) kiểm tra; phân công cụ thể trưởng đoàn (tổ) kiểm tra.

đ) Về thời gian kiểm tra, thời hạn kiểm tra:

Quyết định phải xác định rõ thời gian bắt đầu và kết thúc việc kiểm tra hoặc thời hạn chậm nhất phải kết thúc việc kiểm tra. Mỗi cuộc kiểm tra theo 01 quyết định kiểm tra được tiến hành trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc kể từ ngày công bố quyết định kiểm tra. Trong trường hợp cần thiết gia hạn thời gian kiểm tra, trưởng đoàn (tổ) kiểm tra báo cáo đề xuất bằng văn bản với người ban hành quyết định kiểm tra (hoặc người thay thế) trước thời hạn kết thúc kiểm tra ít nhất 02 ngày, nêu rõ lý do đề xuất; việc gia hạn phải thể hiện bằng văn bản trước thời hạn kết thúc kiểm tra ít nhất 01 ngày, ghi rõ lý do; thời gian gia hạn không quá 07 ngày làm việc tính từ thời điểm kết thúc thời hạn kiểm tra ghi trong quyết định kiểm tra.

Đối với trường hợp kiểm tra theo căn cứ tại điểm b), điểm c) khoản 1 Điều 7 Nghị định số 105/2015/NĐ-CP, việc xác định thời gian, thời hạn kiểm tra phải đảm bảo phù hợp để thực hiện đúng quy định của pháp luật và của Bộ Công an về thời hạn giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, vi phạm hành chính, thời hạn giải quyết khiếu nại, tố cáo.

2. Sau khi có quyết định kiểm tra, trình tự, thủ tục, quyền hạn kiểm tra được thực hiện như sau:

a) Căn cứ quyết định kiểm tra, trưởng đoàn (tổ) kiểm tra tổ chức nắm tình hình, dự kiến chương trình, biện pháp và các bước tiến hành kiểm tra, đảm bảo an toàn, hiệu quả của việc kiểm tra; phân công đối với thành viên đoàn (tổ) kiểm tra; chuẩn bị các điều kiện đảm bảo cho việc kiểm tra; chủ động dự báo các tình huống phát sinh, đột xuất có thể xảy ra và dự kiến biện pháp giải quyết; dự kiến các đơn vị, lực lượng phối hợp trong trường hợp cần thiết; căn cứ quy định của pháp luật và yêu cầu thực tế của việc kiểm tra để liên hệ, đề nghị cơ quan chức năng cử người có trách nhiệm, người có liên quan tham gia việc kiểm tra.

b) Khi tiến hành kiểm tra, đoàn (tổ) kiểm tra trực tiếp công bố quyết định kiểm tra với đối tượng kiểm tra và ngay sau đó, tiến hành kiểm tra theo nội dung ghi trong quyết định kiểm tra. Khi công bố quyết định kiểm tra đối với đối tượng là cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, phải có mặt đại diện lãnh đạo hoặc người đại diện hợp pháp của đối tượng kiểm tra (sau đây gọi chung là người đại diện hợp pháp của đối tượng kiểm tra).

c) Trong quá trình kiểm tra, đoàn (tổ) kiểm tra đề nghị đối tượng kiểm tra cung cấp thông tin, tài liệu, đồ vật liên quan đến nội dung kiểm tra; kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; trực tiếp kiểm tra thực tế những nơi có liên quan đến nội dung kiểm tra; thu thập mẫu vật phục vụ phân tích, đánh giá việc chấp hành pháp luật về môi trường, tài nguyên, an toàn thực phẩm; thu thập tài liệu, chứng cứ liên quan đến hành vi vi phạm pháp luật; trực tiếp làm việc với những người có liên quan để làm rõ những vấn đề thuộc nội dung kiểm tra; tiếp nhận ý kiến hoặc văn bản giải trình của đối tượng kiểm tra.

Trường hợp có gia hạn thời gian kiểm tra, đoàn (tổ) kiểm tra phải thông báo cho người đại diện hợp pháp của đối tượng kiểm tra, cá nhân là đối tượng kiểm tra trước thời hạn kết thúc kiểm tra ghi ở quyết định kiểm tra ít nhất 01 ngày.

Trường hợp đối tượng kiểm tra có hành vi không hợp tác, cản trở việc công bố quyết định kiểm tra, hoạt động kiểm tra dẫn đến việc kiểm tra không thực hiện được hoặc bị gián đoạn, gặp khó khăn thì lập biên bản ghi nhận sự việc, mời đại diện công an hoặc chính quyền sở tại hoặc người chứng kiến xác nhận vào biên bản và kịp thời báo cáo, đề xuất người ban hành quyết định kiểm tra (hoặc người thay thế) giải quyết hoặc báo cáo, đề nghị người có thẩm quyền để chỉ đạo, phối hợp giải quyết.

d) Trong quá trình kiểm tra, nếu đoàn (tổ) kiểm tra phát hiện hành vi vi phạm pháp luật không thuộc nội dung quyết định kiểm tra; hành vi vi phạm pháp luật vượt quá thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính của người ban hành quyết định kiểm tra thì đoàn (tổ) kiểm tra lập biên bản ghi nhận sự việc, báo cáo người ban hành quyết định kiểm tra (hoặc người thay thế) và đề nghị người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật chỉ đạo, giải quyết. Nếu có căn cứ theo quy định của pháp luật về việc tạm giữ, tịch thu tài liệu, đồ vật, phương tiện liên quan đến tội phạm và vi phạm hành chính thì đề nghị người có thẩm quyền quyết định và thực hiện theo quyết định bằng văn bản của người có thẩm quyền. Nếu phát hiện rõ có dấu hiệu của tội phạm thì thực hiện theo quy định của pháp luật hình sự, pháp luật tố tụng hình sự và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

đ) Căn cứ kết quả kiểm tra, đoàn (tổ) kiểm tra lập biên bản kiểm tra, biên bản vi phạm hành chính (nếu có), biên bản tạm giữ, tịch thu tài liệu, đồ vật, phương tiện liên quan đến tội phạm và vi phạm hành chính (nếu có). Biên bản kiểm tra phải ghi rõ: Thời gian, thành phần đoàn (tổ) kiểm tra, đối tượng, nội dung, kết quả kiểm

tra; mẫu vật môi trường, tài nguyên, an toàn thực phẩm được thu thập (nếu có); tài liệu, chứng cứ liên quan đến hành vi vi phạm pháp luật được thu thập (nếu có); họ, tên, chức vụ, chữ ký của trưởng đoàn (tổ) kiểm tra; họ, tên, chức vụ, chữ ký của người đại diện hợp pháp của đối tượng kiểm tra, đóng dấu (nếu đối tượng kiểm tra là cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp); họ, tên, số chứng minh nhân dân (hoặc căn cước công dân/hộ chiếu), nơi cư trú hoặc nơi làm việc, chữ ký của đối tượng kiểm tra (nếu đối tượng kiểm tra là cá nhân).

Biên bản kiểm tra được lập thành 02 bản, đoàn (tổ) kiểm tra giữ 01 bản và giao đối tượng kiểm tra giữ 01 bản. Trường hợp người đại diện hợp pháp của đối tượng kiểm tra, cá nhân đối tượng kiểm tra cố tình vắng mặt hoặc từ chối ký biên bản hoặc không nhận biên bản kiểm tra thì lập biên bản ghi nhận sự việc, ghi lý do, mời đại diện công an hoặc chính quyền sở tại hoặc người chứng kiến xác nhận vào biên bản kiểm tra.

Biên bản vi phạm hành chính (nếu có), biên bản tạm giữ, tịch thu tài liệu, đồ vật, phương tiện liên quan đến tội phạm và vi phạm hành chính (nếu có) được lập theo quy định của pháp luật hiện hành.

e) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc cuộc kiểm tra, đoàn (tổ) kiểm tra báo cáo kết quả bằng văn bản với người ra quyết định kiểm tra (hoặc người thay thế). Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả kiểm tra, người ra quyết định kiểm tra (hoặc người thay thế) có văn bản kết luận kiểm tra. Trường hợp cần thiết để phục vụ công tác kiểm định, giám định, xác minh, trả lời kiến nghị và kết luận kiểm tra bổ sung (nếu có) thì có thể kéo dài thêm thời hạn ra văn bản kết luận kiểm tra không quá 02 lần, mỗi lần không quá 15 ngày làm việc.

Văn bản kết luận kiểm tra gửi cho đối tượng kiểm tra và gửi báo cáo thủ trưởng cơ quan quản lý cấp trên; kết luận kiểm tra của người có thẩm quyền ở Công an cấp tỉnh đồng gửi Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường để theo dõi.

g) Trên cơ sở kết luận kiểm tra, nếu có căn cứ xác định có hành vi vi phạm pháp luật thì tiến hành xử lý theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan, người có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Trình tự, thủ tục, quyền hạn kiểm tra phương tiện, đồ vật, địa điểm có liên quan đến tội phạm và vi phạm hành chính về môi trường, tài nguyên, an toàn thực phẩm

1. Khi có một trong các căn cứ quy định tại khoản 5 Điều 7 Pháp lệnh Cảnh sát môi trường thì người có thẩm quyền quy định tại khoản 2, Điều 8 Nghị định số 105/2015/NĐ-CP hoặc người được ủy quyền theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 105/2015/NĐ-CP (sau đây gọi chung là người có thẩm quyền quyết định kiểm tra) xem xét, quyết định kiểm tra phương tiện, đồ vật, địa điểm có liên quan đến tội

phạm và vi phạm hành chính về môi trường, tài nguyên, an toàn thực phẩm (đối tượng kiểm tra).

Quyết định kiểm tra phương tiện, đồ vật, địa điểm (sau đây gọi tắt là quyết định kiểm tra) phải được ban hành bằng văn bản, phải thể hiện rõ: Căn cứ, đối tượng, nội dung kiểm tra; thời gian hoặc thời hạn tiến hành việc kiểm tra; người thực hiện việc kiểm tra; họ tên, chức vụ, chữ ký của người ra quyết định và đóng dấu của cơ quan của người ra quyết định. Trong đó:

a) Về căn cứ kiểm tra: Ghi căn cứ ra quyết định kiểm tra theo quy định tại khoản 5 Điều 7 Pháp lệnh Cảnh sát môi trường và các căn cứ pháp lý khác có liên quan.

b) Về đối tượng kiểm tra: Ghi các thông tin, đặc điểm cần thiết để xác định về đối tượng được kiểm tra. Trong trường hợp địa điểm được kiểm tra là chỗ ở thì đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có địa điểm đó xem xét, quyết định và thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

c) Về nội dung kiểm tra: Người có thẩm quyền quyết định kiểm tra xem xét căn cứ ra quyết định kiểm tra và nguyên tắc, mục đích, yêu cầu kiểm tra để xác định nội dung kiểm tra và ghi vào quyết định kiểm tra.

d) Về người thực hiện việc kiểm tra: Trong quyết định kiểm tra, người ra quyết định kiểm tra thành lập tổ kiểm tra; ghi rõ họ tên, cấp bậc, chức vụ, đơn vị công tác của từng thành viên tổ kiểm tra; vai trò của từng thành viên, trong đó phải có tổ trưởng tổ kiểm tra.

đ) Về thời gian kiểm tra, thời hạn kiểm tra: Quyết định phải xác định rõ thời gian bắt đầu và kết thúc việc kiểm tra hoặc thời hạn chậm nhất phải kết thúc việc kiểm tra. Mỗi cuộc kiểm tra theo 01 quyết định kiểm tra được tiến hành trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc kể từ ngày công bố quyết định kiểm tra. Trong trường hợp cần thiết gia hạn thời gian kiểm tra, tổ trưởng tổ kiểm tra báo cáo đề xuất bằng văn bản với người ban hành quyết định kiểm tra (hoặc người thay thế) trước thời hạn kết thúc kiểm tra ít nhất 02 ngày, nêu rõ lý do đề xuất; việc gia hạn phải thể hiện bằng văn bản trước thời hạn kết thúc kiểm tra ít nhất 01 ngày, ghi rõ lý do; thời gian gia hạn không quá 07 ngày làm việc tính từ thời điểm kết thúc thời hạn kiểm tra ghi trong quyết định kiểm tra.

Đối với trường hợp kiểm tra theo căn cứ tại điểm b), điểm c) khoản 1 Điều 7 Nghị định số 105/2015/NĐ-CP, việc xác định thời gian, thời hạn kiểm tra phải đảm bảo phù hợp để thực hiện đúng quy định của pháp luật và của Bộ Công an về thời hạn giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, vi phạm hành chính, thời hạn giải quyết khiếu nại, tố cáo.

2. Sau khi có quyết định kiểm tra, trình tự, thủ tục, quyền hạn kiểm tra được thực hiện như sau:

a) Căn cứ quyết định kiểm tra, tổ trưởng tổ kiểm tra dự kiến chương trình, biện pháp và các bước tiến hành kiểm tra; phân công đối với thành viên tổ kiểm tra; chuẩn bị các điều kiện đảm bảo cho việc kiểm tra; chủ động dự báo các tình huống phát sinh, đột xuất có thể xảy ra và dự kiến biện pháp giải quyết; dự kiến các đơn vị, lực lượng phối hợp trong trường hợp cần thiết; căn cứ quy định của pháp luật và yêu cầu thực tế của việc kiểm tra để liên hệ, đề nghị cơ quan chức năng cử người có trách nhiệm, người có liên quan tham gia việc kiểm tra.

b) Khi tiến hành kiểm tra, tổ kiểm tra trực tiếp công bố quyết định kiểm tra với chủ sở hữu hoặc người quản lý, người điều khiển đối tượng kiểm tra và tiến hành kiểm tra theo nội dung ghi trong quyết định kiểm tra. Đối với phương tiện, đồ vật là đối tượng kiểm tra đang lưu thông, tham gia giao thông mà cần phải kiểm tra ngay để đảm bảo việc kiểm tra đúng theo quy định của pháp luật, tổ kiểm tra thông qua chủ sở hữu, người quản lý hoặc đề nghị lực lượng chức năng phối hợp để dừng phương tiện, đồ vật đảm bảo cho việc kiểm tra.

c) Trong quá trình kiểm tra, tổ kiểm tra đề nghị chủ sở hữu hoặc người quản lý, người điều khiển đối tượng kiểm tra cung cấp thông tin, tài liệu, đồ vật liên quan đến nội dung kiểm tra; kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, tài nguyên, an toàn thực phẩm; trực tiếp kiểm tra thực tế địa điểm, phương tiện, đồ vật là đối tượng kiểm tra; thu thập mẫu vật, tài liệu, chứng cứ liên quan đến hành vi vi phạm pháp luật; trực tiếp làm việc với những người có liên quan để làm rõ những nội dung kiểm tra; tiếp nhận ý kiến hoặc văn bản giải trình của chủ sở hữu, người quản lý, người điều khiển đối tượng kiểm tra.

Trường hợp có gia hạn thời gian kiểm tra, tổ kiểm tra phải thông báo cho chủ sở hữu hoặc người quản lý đối tượng kiểm tra trước thời hạn kết thúc kiểm tra ghi ở quyết định kiểm tra ít nhất 01 ngày.

Trường hợp chủ sở hữu hoặc người quản lý, người điều khiển đối tượng kiểm tra có hành vi không hợp tác, cản trở việc công bố quyết định kiểm tra, hoạt động kiểm tra dẫn đến việc kiểm tra không thực hiện được hoặc bị gián đoạn, gặp khó khăn thì lập biên bản ghi nhận sự việc, mời đại diện công an hoặc chính quyền sở tại hoặc người chứng kiến xác nhận vào biên bản và kịp thời báo cáo, đề xuất người ban hành quyết định kiểm tra (hoặc người thay thế) giải quyết hoặc báo cáo, đề nghị người có thẩm quyền để chỉ đạo, phối hợp giải quyết.

d) Trong quá trình kiểm tra, nếu tổ kiểm tra phát hiện hành vi vi phạm pháp luật không thuộc nội dung quyết định kiểm tra; hành vi vi phạm pháp luật vượt quá thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính của người ban hành quyết định kiểm tra thì tổ kiểm tra lập biên bản ghi nhận sự việc, báo cáo người ban hành quyết định kiểm tra (hoặc người thay thế) và đề nghị người có thẩm quyền theo quy định của pháp luật

chỉ đạo, giải quyết. Nếu có căn cứ theo quy định của pháp luật về việc tạm giữ, tịch thu tài liệu, đồ vật, phương tiện liên quan đến tội phạm và vi phạm hành chính thì đề nghị người có thẩm quyền quyết định và thực hiện theo quyết định bằng văn bản của người có thẩm quyền. Nếu phát hiện rõ có dấu hiệu của tội phạm thì thực hiện theo quy định của pháp luật hình sự, pháp luật tố tụng hình sự và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

đ) Căn cứ kết quả kiểm tra, tổ kiểm tra lập biên bản kiểm tra, biên bản vi phạm hành chính (nếu có), biên bản tạm giữ, tịch thu tài liệu, đồ vật, phương tiện liên quan đến tội phạm và vi phạm hành chính (nếu có). Biên bản kiểm tra phải ghi rõ: Thời gian, thành phần tổ kiểm tra, đối tượng, nội dung, kết quả kiểm tra; mẫu vật môi trường, tài nguyên, an toàn thực phẩm được thu thập (nếu có); tài liệu, chứng cứ liên quan đến hành vi vi phạm pháp luật được thu thập (nếu có); họ, tên, chức vụ, chữ ký của tổ trưởng tổ kiểm tra; họ, tên, chức vụ, số chứng minh thư nhân dân (hoặc căn cước công dân/hộ chiếu), nơi cư trú hoặc nơi làm việc và chữ ký của chủ sở hữu hoặc người quản lý đối tượng kiểm tra.

Biên bản kiểm tra được lập thành 02 bản, tổ kiểm tra giữ 01 bản và giao chủ sở hữu hoặc người quản lý đối tượng kiểm tra giữ 01 bản. Trường hợp chủ sở hữu hoặc người quản lý đối tượng kiểm tra cố tình vắng mặt hoặc từ chối ký biên bản hoặc không nhận biên bản kiểm tra thì lập biên bản ghi nhận sự việc, ghi lý do, mời đại diện công an hoặc chính quyền sở tại hoặc người chứng kiến xác nhận vào biên bản.

Biên bản vi phạm hành chính (nếu có), biên bản tạm giữ, tịch thu tài liệu, đồ vật, phương tiện liên quan đến tội phạm và vi phạm hành chính (nếu có) được lập theo quy định của pháp luật hiện hành.

e) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc cuộc kiểm tra, tổ kiểm tra báo cáo kết quả bằng văn bản cho người ra quyết định kiểm tra (hoặc người thay thế). Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả kiểm tra, người ra quyết định kiểm tra (hoặc người thay thế) có văn bản kết luận kiểm tra. Trường hợp cần thiết để phục vụ công tác kiểm định, giám định, xác minh, trả lời kiến nghị và kết luận kiểm tra bổ sung (nếu có) thì có thể kéo dài thêm thời hạn ra văn bản kết luận kiểm tra không quá 02 lần, mỗi lần không quá 15 ngày làm việc.

Văn bản kết luận kiểm tra gửi cho chủ sở hữu hoặc người quản lý đối tượng kiểm tra và gửi báo cáo thủ trưởng cơ quan quản lý cấp trên; kết luận kiểm tra của người có thẩm quyền ở Công an cấp tỉnh đồng gửi Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường để theo dõi.

g) Trên cơ sở kết luận kiểm tra, nếu có căn cứ xác định có hành vi vi phạm pháp luật thì tiến hành xử lý theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan, người có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.



Điều 8. Xử lý đối với mẫu vật được thu thập; tài liệu, đồ vật, phương tiện bị tạm giữ, tịch thu trong quá trình kiểm tra

1. Mẫu vật môi trường, tài nguyên, an toàn thực phẩm được thu thập và kết quả đo kiểm môi trường tại hiện trường trong quá trình kiểm tra theo quy định tại Thông tư này được niêm phong phù hợp và chuyển đến cơ quan, đơn vị lưu giữ, kiểm định, giám định theo đúng quy định hiện hành để kiểm định, giám định, phục vụ kết luận kiểm tra và xử lý vi phạm pháp luật.

2. Trong quá trình kiểm tra, nếu có việc tạm giữ, tịch thu tài liệu, đồ vật, phương tiện theo quyết định của người có thẩm quyền thì tiến hành quản lý hoặc chuyển, bàn giao tài liệu, đồ vật, phương tiện đó cho cơ quan, đơn vị chức năng theo đúng quy định hiện hành để quản lý, bảo quản phục vụ xử lý vi phạm pháp luật. Trường hợp có khó khăn, vướng mắc trong việc quản lý, bảo quản, xử lý tài liệu, đồ vật, phương tiện bị tạm giữ, tịch thu thì phối hợp với các cơ quan, đơn vị chức năng báo cáo đề xuất cơ quan, người có thẩm quyền chỉ đạo giải quyết, xử lý phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình thực tế.

Điều 9. Biểu mẫu

1. Ban hành kèm theo Thông tư này 12 biểu mẫu để sử dụng trong hoạt động kiểm tra việc chấp hành pháp luật về môi trường, tài nguyên, an toàn thực phẩm đối với cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân; kiểm tra phương tiện, đồ vật, địa điểm có liên quan đến tội phạm và vi phạm hành chính về môi trường, tài nguyên, an toàn thực phẩm, gồm:

- a) Biểu mẫu Giấy ủy quyền;
- b) Biểu mẫu Quyết định kiểm tra việc chấp hành pháp luật về môi trường/ tài nguyên/ an toàn thực phẩm;
- c) Biểu mẫu Biên bản kiểm tra việc chấp hành pháp luật về môi trường/ tài nguyên/ an toàn thực phẩm;
- d) Biểu mẫu Quyết định kiểm tra phương tiện có liên quan đến tội phạm, vi phạm hành chính về môi trường/ tài nguyên/ an toàn thực phẩm;
- đ) Biểu mẫu Biên bản kiểm tra phương tiện có liên quan đến tội phạm, vi phạm hành chính về môi trường/ tài nguyên/ an toàn thực phẩm;
- e) Biểu mẫu Quyết định kiểm tra đồ vật có liên quan đến tội phạm, vi phạm hành chính về môi trường/ tài nguyên/ an toàn thực phẩm;
- g) Biểu mẫu Biên bản kiểm tra đồ vật có liên quan đến tội phạm, vi phạm hành chính về môi trường/ tài nguyên/ an toàn thực phẩm;
- h) Biểu mẫu Quyết định kiểm tra địa điểm có liên quan đến tội phạm, vi phạm hành chính về môi trường/ tài nguyên/ an toàn thực phẩm;
- i) Biểu mẫu Biên bản kiểm tra địa điểm có liên quan đến tội phạm, vi phạm

hành chính về môi trường/ tài nguyên/ an toàn thực phẩm;

- k) Biểu mẫu Giấy đề nghị gia hạn kiểm tra;
- l) Biểu mẫu Quyết định gia hạn kiểm tra;
- m) Biểu mẫu Kết luận kiểm tra.

2. Các nội dung được thực hiện trong quá trình kiểm tra theo quy định tại Thông tư này nhưng không thuộc nội dung các biểu mẫu tại khoản 1 Điều này thì sử dụng biểu mẫu phù hợp trong hệ thống biểu mẫu về quản lý, kiểm tra, xử lý, xử phạt vi phạm pháp luật theo quy định hiện hành của pháp luật và của Bộ Công an.

Chương III **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 10. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2020. Các quy định trước đây của Bộ Công an về trình tự, thủ tục, quyền hạn kiểm tra việc chấp hành pháp luật về môi trường, tài nguyên, an toàn thực phẩm; kiểm tra phương tiện, đồ vật, địa điểm có liên quan đến tội phạm và vi phạm hành chính về môi trường, tài nguyên, an toàn thực phẩm trái với Thông tư này đều bãi bỏ.

Điều 11. Trách nhiệm thi hành

1. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ, Giám đốc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Thông tư này.

2. Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan theo dõi, kiểm tra, hướng dẫn việc thực hiện Thông tư này.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, Công an các đơn vị, địa phương báo cáo Bộ Công an (qua Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường) để được hướng dẫn./. *TK*

Nơi nhận:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- Các đồng chí Thứ trưởng;
- Các đơn vị trực thuộc Bộ;
- Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Công báo;
- Lưu: VT, V03, C05.

BỘ TRƯỞNG



Đại tướng Tô Lâm



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(3)....., ngày ... tháng ... năm

GIẤY ỦY QUYỀN

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;
Căn cứ khoản 5 Điều 7 Pháp lệnh Cảnh sát môi trường ngày 23 tháng 12 năm 2014;
Căn cứ khoản 1 Điều 10 Nghị định số 105/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Cảnh sát môi trường,

Tôi:

Cấp bậc:

Chức vụ:

Đơn vị:

Ủy quyền cho:

Cấp bậc:

Chức vụ:

Đơn vị:

Phạm vi ủy quyền:

Nội dung ủy quyền: (4).....

Thời hạn ủy quyền:

Được thực hiện các thẩm quyền của (5)..... quy định tại Nghị định số 105/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Cảnh sát môi trường và Thông tư số 80/2019/TT-BCA ngày 27 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công an hướng dẫn thực hiện Điều 7, Điều 8 Nghị định số 105/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Cảnh sát môi trường.

Trong khi tiến hành các hoạt động theo nội dung ủy quyền, người được ủy quyền chịu trách nhiệm về quyết định của mình trước pháp luật và người ủy quyền./

Nơi nhận:

- (6) (để báo cáo);
- (7) (để thực hiện);
- Lưu: VT,.....

NGƯỜI ỦY QUYỀN
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ cấp bậc,
chức vụ, họ và tên)

- (1) Tên cơ quan chủ quản;
- (2) Tên cơ quan của người ủy quyền;
- (3) Ghi rõ địa danh hành chính;
- (4) Nội dung ủy quyền: Ban hành Quyết định kiểm tra, Ban hành kết luận kiểm tra..v.v...
- (5) Chức danh người ủy quyền;
- (6) Cấp trên trực tiếp của người ủy quyền;
- (7) Người được ủy quyền.

.....(1)
.....(2)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Số /QĐ-KT

(3)....., ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH

Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về (4).....

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ khoản 5 Điều 7 Pháp lệnh Cảnh sát môi trường ngày 23 tháng 12 năm 2014;

Căn cứ Điều 7 Nghị định số 105/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Cảnh sát môi trường;

Căn cứ Điều ... Thông tư số 80/2019/TT-BCA ngày 27 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công an hướng dẫn thực hiện Điều 7, Điều 8 Nghị định số 105/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Cảnh sát môi trường;

Căn cứ Giấy ủy quyền số..... ngày... tháng... năm về việc ủy quyền ban hành Quyết định kiểm tra (nếu có);

Tôi:.....; Cấp bậc, chức vụ:.....; Đơn vị:.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Đoàn/Tổ kiểm tra gồm (*):

- Ông (bà):, cấp bậc:, chức vụ:....., Trưởng đoàn/Tổ trưởng;
- Ông (bà):, cấp bậc:, chức vụ:....., P.Trưởng đoàn/Tổ phó;
- Ông (bà):, cấp bậc:, chức vụ:....., Thành viên;
- ... Ông (bà):, cấp bậc:, chức vụ:....., Thành viên;
- ... Ông (bà):, cấp bậc:, chức vụ:....., Thư ký.

Tiến hành kiểm tra việc chấp hành pháp luật về (5)

..... đối với:

Tổ chức/Cá nhân:

Địa chỉ:

GCN đăng ký hoặc GP thành lập số/Số CMND hoặc CCCD hoặc hộ chiếu:

Ngày cấp: Nơi cấp:

Ngành nghề sản xuất kinh doanh hoặc Mã số doanh nghiệp/Nghề nghiệp:

Thông tin khác (nếu có):

Điều 2. Nội dung kiểm tra (6):

Điều 3. Thời gian/Thời hạn kiểm tra: Từ ngày ... tháng ... năm ... đến hết ngày ... tháng ... năm ... (hoặc ngày, tính từ thời điểm công bố Quyết định kiểm tra).

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

(*) Số thành viên của Đoàn/Tổ kiểm tra theo yêu cầu thực tế, không cố định số lượng.



Điều 5. Quyết định được:

1. Giao cho Ông(Bà)/Tổ chức: để chấp hành.
Ông(Bà)/Tổ chức có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật.
2. Giao (7)..... - Trưởng đoàn (Tổ) kiểm tra để tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Lưu:.....

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ cấp bậc,
chức vụ, họ và tên)

-
- (1) Tên cơ quan chủ quản;
 - (2) Tên cơ quan ra quyết định kiểm tra;
 - (3) Ghi rõ địa danh hành chính;
 - (4), (5) Ghi một hoặc nhiều nội dung về: Môi trường/Tài nguyên/An toàn thực phẩm;
 - (6) Ghi cụ thể nội dung kiểm tra;
 - (7) Ghi rõ họ tên, cấp bậc, chức vụ, đơn vị của Trưởng đoàn (Tổ) kiểm tra.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN
Kiểm tra việc chấp hành pháp luật về (3).....

Thực hành Quyết định số .../QĐ-KT ngày ... tháng ... năm ... của (4).....
kiểm tra việc chấp hành pháp luật về (5).....

Hôm nay, hồi ... giờ ... ngày ... tháng ... năm tại (6)....., Đoàn/Tổ kiểm tra
của (7)..... tiến hành kiểm tra tổ chức/cá nhân:

I. Thành phần Đoàn/Tổ kiểm tra gồm (*):

1. Ông (bà):, cấp bậc:, chức vụ:, Trưởng đoàn/Tổ trưởng;
2. Ông (bà):, cấp bậc:, chức vụ:, P.Trưởng đoàn/Tổ phó;
3. Ông (bà):, cấp bậc:, chức vụ:, Thành viên;
- ... Ông (bà):, cấp bậc:, chức vụ:, Thành viên;
- ... Ông (bà):, cấp bậc:, chức vụ:, Thư ký.

Đại diện cơ quan (nếu có):, gồm có:

- Ông (bà):; chức vụ/chức danh:
- Ông (bà):; chức vụ/chức danh:

Với sự chứng kiến của (nếu có; ghi họ tên, địa chỉ, chức vụ, số CMND/CCCD/hộ chiếu):

II. Tổ chức hoặc cá nhân được kiểm tra:

1. Tên tổ chức:

Địa chỉ:

Ngành nghề sản xuất kinh doanh hoặc Mã số doanh nghiệp:

GCN đăng ký hoặc GP thành lập số:; Ngày cấp: Nơi cấp:

Người đại diện:; chức vụ/chức danh:, số CMND/hộ chiếu:

Thông tin khác (nếu có):

2. Tên cá nhân:, số CMND/CCCD/hộ chiếu:

Địa chỉ:

Ngành nghề sản xuất, kinh doanh chính:

Thông tin khác (nếu có):

III. Nội dung và kết quả kiểm tra:

1. Thông tin chung: (8).....

2. Quá trình kiểm tra: (9).....

3. Kết quả kiểm tra: (10)

4. Mẫu vật được thu thập (nếu có):

5. Tài liệu, chứng cứ liên quan đến hành vi vi phạm pháp luật được thu thập (nếu có):

(* Ghi theo thực tế thành phần Đoàn/Tổ kiểm tra.

IV. Nhận xét, yêu cầu của Đoàn/Tổ kiểm tra:

1. Nhận xét:.....

2. Yêu cầu:.....

V. Ý kiến của tổ chức/cá nhân được kiểm tra:

.....
Việc kiểm tra kết thúc hồi giờ ngày ... / ... / ... Biên bản kiểm tra được lập thành 02 bản có giá trị như nhau, giao cho (11)..... giữ 01 bản và Đoàn/Tổ kiểm tra giữ 01 bản, đã đọc cho mọi người cùng nghe, nhất trí và ký tên dưới đây./.

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN
ĐƯỢC KIỂM TRA**

*(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên/
ký tên, ghi rõ họ tên)*

TRƯỞNG ĐOÀN KIỂM TRA

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

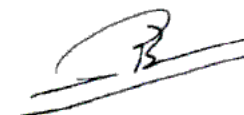
NGƯỜI LÀM CHỨNG (nếu có)

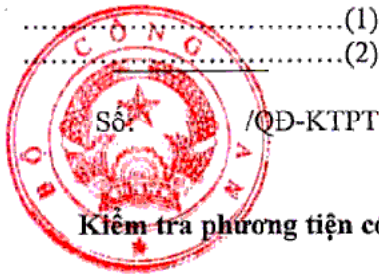
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

**ĐẠI DIỆN CHÍNH QUYỀN
HOẶC CÔNG AN ĐỊA PHƯƠNG (nếu có)**

(Ký tên, đóng dấu; ghi rõ họ tên)

-
- (1) Tên cơ quan chủ quản;
 - (2) Tên cơ quan lập biên bản;
 - (3), (5) Ghi theo Quyết định kiểm tra;
 - (4) Chi chức vụ của người ban hành Quyết định kiểm tra/ Người ủy quyền ban hành Quyết định kiểm tra;
 - (6) Ghi địa chỉ nơi lập biên bản;
 - (7) Cơ quan của người ra Quyết định kiểm tra;
 - (8) Thông tin về đối tượng kiểm tra;
 - (9) Ghi diễn biến quá trình kiểm tra;
 - (10) Kết quả ghi nhận về việc chấp hành quy định của pháp luật theo nội dung kiểm tra;
 - (11) Đối tượng kiểm tra.





CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(3)....., ngày ... tháng ... năm

QUYẾT ĐỊNH

Kiểm tra phương tiện có liên quan đến tội phạm, vi phạm hành chính về (4).....

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ khoản 5 Điều 7 Pháp lệnh Cảnh sát môi trường ngày 23 tháng 12 năm 2014;

Căn cứ Điều 8 Nghị định số 105/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Cảnh sát môi trường;

Căn cứ Điều ... Thông tư số 80/2019/TT-BCA ngày 27 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công an hướng dẫn thực hiện Điều 7, Điều 8 Nghị định số 105/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Cảnh sát môi trường;

Căn cứ Giấy ủy quyền số..... ngày... tháng... năm về việc ủy quyền ban hành Quyết định kiểm tra (nếu có);

Tôi:.....; Cấp bậc, chức vụ:.....; Đơn vị:.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tổ kiểm tra gồm (*):

1. Ông (bà):, cấp bậc:, chức vụ:....., Tổ trưởng;
2. Ông (bà):, cấp bậc:, chức vụ:....., Tổ phó;
- ... Ông (bà):, cấp bậc:, chức vụ:....., Thành viên;
- ... Ông (bà):, cấp bậc:, chức vụ:....., Thư ký.

Điều 2. Kiểm tra phương tiện có liên quan đến (5)..... về (6).....:

1. Tên gọi/Chủng loại phương tiện:Nhãn hiệu:

Số giấy đăng ký phương tiện (nếu có):; Ngày cấp:Nơi cấp:.....

Biển số đăng ký phương tiện (nếu có):

Thông tin, đặc điểm khác (nếu có):

2. Chủ phương tiện/Người quản lý phương tiện hoặc người điều khiển phương tiện được kiểm tra:

Ông(Bà)/Tổ chức (tên tổ chức; họ, tên, chức danh của người đại diện theo pháp luật của tổ chức):

Sinh ngày:/...../.....; Quốc tịch:

Nghề nghiệp/Lĩnh vực hoạt động hoặc Mã số doanh nghiệp:.....

Địa chỉ:.....

Số CMND/CCCD/hộ chiếu hoặc GCN đăng ký kinh doanh/GP thành lập số:.....

Ngày cấp:.....; Nơi cấp:.....

(*) Số thành viên của Tổ kiểm tra theo yêu cầu thực tế, không cố định số lượng.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

Kiểm tra phương tiện có liên quan đến tội phạm, vi phạm hành chính về (3).....

Thi hành Quyết định số .../QĐ-KTPT ngày ... tháng ... năm ... của (4)..... về
việc kiểm tra phương tiện có liên quan đến (5)..... về (6)

Hôm nay, hồi giờ ngàythángnămtại(7).....

Tổ kiểm tra gồm (*):

1. Ông (bà):, cấp bậc:, chức vụ:....., Tổ trưởng;
2. Ông (bà):, cấp bậc:, chức vụ:....., Tổ phó;
- ... Ông (bà):, cấp bậc:, chức vụ:....., Thành viên;
- ... Ông (bà):, cấp bậc:, chức vụ:....., Thư ký.

Đại diện cơ quan (nếu có):, gồm có:

- Ông (bà):; chức vụ/chức danh:

- Ông (bà):; chức vụ/chức danh:

Với sự chứng kiến của (nếu có; ghi họ tên, địa chỉ, chức vụ, số CMND/CCCD/hộ chiếu):

Tiến hành kiểm tra phương tiện như sau:

I. Phương tiện được kiểm tra:

1. Tên gọi/Chủng loại phương tiện:; Nhân hiệu:

Số giấy đăng ký phương tiện (nếu có):.....; Ngày cấp:; Nơi cấp:

Biển số đăng ký phương tiện (nếu có):

Thông tin, đặc điểm khác (nếu có):

2. Chủ phương tiện/Người quản lý phương tiện/Người điều khiển phương tiện được kiểm tra:

Ông(Bà)/Tổ chức (tên tổ chức; họ, tên, chức danh của người đại diện theo pháp luật của tổ chức):

Sinh ngày:/...../.....; Quốc tịch:

Nghề nghiệp/Lĩnh vực hoạt động hoặc Mã số doanh nghiệp :

Địa chỉ:.....

Số CMND/CCCD/hộ chiếu hoặc GCN đăng ký kinh doanh/GP thành lập số:.....

Ngày cấp:.....; Nơi cấp:.....

Thông tin khác (nếu có):

II. Nội dung và kết quả kiểm tra:

1. Quá trình kiểm tra: (8).....

2. Kết quả kiểm tra: (9)

3. Mẫu vật được thu thập (nếu có):

(*) Ghi theo thực tế thành phần Tổ kiểm tra.

4. Tài liệu, chứng cứ liên quan đến hành vi vi phạm pháp luật được thu thập (nếu có):

III. Nhận xét, yêu cầu của Tổ kiểm tra:

1. Nhận xét:.....

2. Yêu cầu:.....

IV. Ý kiến của chủ sở hữu/người quản lý hoặc người điều khiển phương tiện được kiểm tra:

.....

Việc kiểm tra kết thúc hồi ... giờ ... ngày ... / ... / ... Biên bản kiểm tra được lập thành 02 bản có giá trị như nhau, giao cho (10)..... giữ 01 bản và Tổ kiểm tra giữ 01 bản, đã đọc cho mọi người cùng nghe, nhất trí và ký tên dưới đây./.

**CHỦ SỞ HỮU/NGƯỜI QUẢN LÝ/NGƯỜI
ĐIỀU KHIỂN PHƯƠNG TIỆN ĐƯỢC KIỂM TRA**
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên/
Ký tên, ghi rõ họ tên)

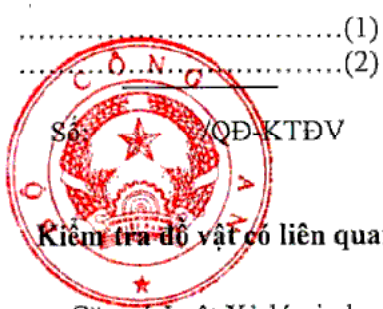
TỔ TRƯỞNG TỔ KIỂM TRA
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI LÀM CHỨNG (nếu có)
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

**ĐẠI DIỆN CHÍNH QUYỀN
HOẶC CÔNG AN ĐỊA PHƯƠNG (nếu có)**
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

- (1) Tên cơ quan chủ quản;
(2) Tên cơ quan ra quyết định kiểm tra phương tiện;
(3), (6) Ghi theo Quyết định kiểm tra;
(4) Chi chức vụ của người ban hành Quyết định kiểm tra/ Người ủy quyền ban hành Quyết định kiểm tra;
(5) Tội phạm hoặc vi phạm hành chính;
(7) Ghi địa chỉ nơi lập biên bản;
(8) Ghi diễn biến quá trình kiểm tra phương tiện;
(9) Ghi nhận kết quả kiểm tra theo nội dung kiểm tra;
(10) Chủ sở hữu/Người quản lý hoặc tên người điều khiển phương tiện.





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(3)....., ngày ... tháng ... năm

QUYẾT ĐỊNH

Kiểm tra đồ vật có liên quan đến tội phạm, vi phạm hành chính về (4).....

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ khoản 5 Điều 7 Pháp lệnh Cảnh sát môi trường ngày 23 tháng 12 năm 2014;

Căn cứ Điều 8 Nghị định số 105/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Cảnh sát môi trường;

Căn cứ Điều ... Thông tư số 80/2019/TT-BCA ngày 27 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công an hướng dẫn thực hiện Điều 7, Điều 8 Nghị định số 105/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Cảnh sát môi trường;

Căn cứ Giấy ủy quyền số..... ngày... tháng... năm về việc ủy quyền ban hành Quyết định kiểm tra (nếu có);

Tôi:.....; Cấp bậc, chức vụ:.....; Đơn vị:.....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tổ kiểm tra gồm (*):

1. Ông (bà):, cấp bậc:, chức vụ:....., Tổ trưởng;
2. Ông (bà):, cấp bậc:, chức vụ:....., Tổ phó;
- ... Ông (bà):, cấp bậc:, chức vụ:....., Thành viên;
- ... Ông (bà):, cấp bậc:, chức vụ:....., Thư ký.

Điều 2. Kiểm tra đồ vật có liên quan đến (5)..... về (6).....:

1. Tên gọi/loại đồ vật, đặc điểm:

Các thông tin khác về đồ vật được kiểm tra (nếu có):

2. Chủ sở hữu/Người quản lý đồ vật được kiểm tra:

Ông(Bà)/Tổ chức (ghi tên tổ chức; họ, tên, chức danh của người đại diện theo pháp luật của tổ chức):

Sinh ngày:/...../.....; Quốc tịch:

Nghề nghiệp/Lĩnh vực hoạt động hoặc Mã số doanh nghiệp):.....

Địa chỉ:.....

Số CMND/CCCD/hộ chiếu hoặc GCN đăng ký kinh doanh/GP thành lập số:.....

Ngày cấp:.....; Nơi cấp:.....

Thông tin khác (nếu có):

3. Nội dung kiểm tra:

(*) Số thành viên của Tổ kiểm tra theo yêu cầu thực tế, không cố định số lượng.

Điều 3. Thời gian/Thời hạn kiểm tra: Từ ngày ... tháng ... năm ... đến hết ngày ... tháng ... năm ... (hoặc ngày, tính từ thời điểm công bố Quyết định kiểm tra).

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Quyết định được:

1. Giao cho Ông(Bà)/Tổ chức:..... để chấp hành.

Ông(Bà)/Tổ chức có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật.

2. Giao (7)..... - Tổ trưởng Tổ kiểm tra để tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

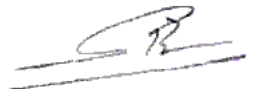
- Như Điều 5;

- Lưu:.....

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ cấp bậc,
chức vụ, họ và tên)

-
- (1) Tên cơ quan chủ quản;
(2) Tên cơ quan ra Quyết định kiểm tra;
(3) Ghi rõ địa danh hành chính;
(4), (6) Ghi một hoặc nhiều nội dung về: Môi trường/Tài nguyên/An toàn thực phẩm;
(5) Tội phạm hoặc vi phạm hành chính;
(7) Ghi rõ họ tên, chức vụ, đơn vị của Tổ trưởng Tổ kiểm tra.



.....(1)
.....(2)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



BIÊN BẢN

Kiểm tra đồ vật có liên quan đến tội phạm, vi phạm hành chính về (3).....

Thực hành Quyết định số .../QĐ-KTĐV ngày ... tháng ... năm ... của (4)..... về
việc kiểm tra đồ vật có liên quan đến (5)..... về (6)

Hôm nay, hồi giờ ngàythángnămtại(7).....

Tổ kiểm tra gồm (*):

1. Ông (bà):, cấp bậc:, chức vụ:....., Tổ trưởng;
2. Ông (bà):, cấp bậc:, chức vụ:....., Tổ phó;
- ... Ông (bà):, cấp bậc:, chức vụ:....., Thành viên;
- ... Ông (bà):, cấp bậc:, chức vụ:....., Thư ký.

Đại diện cơ quan (nếu có):, gồm có:

- Ông (bà):; chức vụ/chức danh:
- Ông (bà):; chức vụ/chức danh:

Với sự chứng kiến của (nếu có; ghi họ tên, địa chỉ, chức vụ, số CMND/CCCD/hộ chiếu):

Tiến hành kiểm tra đồ vật như sau:

I. Đồ vật được kiểm tra:

1. Tên gọi/loại đồ vật, đặc điểm:

Các thông tin khác về đồ vật được kiểm tra (nếu có):.....

2. Chủ sở hữu/Người quản lý đồ vật được kiểm tra:

Ông(Bà)/Tổ chức (tên tổ chức; họ, tên, chức danh của người đại diện theo pháp luật của tổ chức):

Sinh ngày:/...../.....; Quốc tịch:

Nghề nghiệp/Lĩnh vực hoạt động hoặc Mã số doanh nghiệp :.....

Địa chỉ:.....

Số CMND/CCCD/hộ chiếu hoặc GCN đăng ký kinh doanh/GP thành lập số:.....

Ngày cấp:.....; Nơi cấp:.....

Thông tin khác (nếu có):

II. Nội dung và kết quả kiểm tra:

1. Quá trình kiểm tra: (8).....

2. Kết quả kiểm tra: (9)

3. Mẫu vật được thu thập (nếu có):

(*) Ghi theo thực tế thành phần Tổ kiểm tra.



4. Tài liệu, chứng cứ liên quan đến hành vi vi phạm pháp luật được thu thập (nếu có):

III. Nhận xét, yêu cầu của Tổ kiểm tra:

1. Nhận xét:.....

2. Yêu cầu:.....

IV. Ý kiến của chủ sở hữu/người quản lý đồ vật được kiểm tra:

.....
Việc kiểm tra kết thúc hồi ... giờ ... ngày ... / ... / ... Biên bản kiểm tra được lập thành 02 bản có giá trị như nhau, giao cho (10)..... giữ 01 bản và Tổ kiểm tra giữ 01 bản, đã đọc cho mọi người cùng nghe, nhất trí và ký tên dưới đây./.

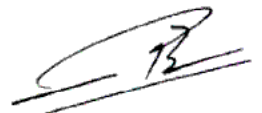
**CHỦ SỞ HỮU/NGƯỜI QUẢN LÝ ĐỒ VẬT
ĐƯỢC KIỂM TRA**
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên/
Ký tên, ghi rõ họ tên)

TỔ TRƯỞNG TỔ KIỂM TRA
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI LÀM CHỨNG (nếu có)
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

**ĐẠI DIỆN CHÍNH QUYỀN
HOẶC CÔNG AN ĐỊA PHƯƠNG (nếu có)**
(Ký tên, đóng dấu; ghi rõ họ tên)

- (1) Tên cơ quan chủ quản;
(2) Tên cơ quan ra quyết định kiểm tra đồ vật;
(3), (6) Ghi theo Quyết định kiểm tra;
(4) Chỉ chức vụ của người ban hành Quyết định kiểm tra/ Người ủy quyền ban hành Quyết định kiểm tra;
(5) Tội phạm hoặc vi phạm hành chính;
(7) Ghi địa chỉ nơi lập biên bản;
(8) Ghi diễn biến quá trình kiểm tra đồ vật;
(9) Ghi nhận kết quả kiểm tra theo nội dung kiểm tra;
(10) Chủ sở hữu/Người quản lý đồ vật.



.....(1)
.....(2)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Số: /QĐ-KTĐĐ

(3)....., ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH

Kiểm tra địa điểm có liên quan đến tội phạm, vi phạm hành chính về (4).....

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ khoản 5 Điều 7 Pháp lệnh Cảnh sát môi trường ngày 23 tháng 12 năm 2014;

Căn cứ Điều 8 Nghị định số 105/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Cảnh sát môi trường;

Căn cứ Điều ... Thông tư số 80/2019/TT-BCA ngày 27 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công an hướng dẫn thực hiện Điều 7, Điều 8 Nghị định số 105/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Cảnh sát môi trường;

Căn cứ Giấy ủy quyền số..... ngày... tháng... năm về việc ủy quyền ban hành Quyết định kiểm tra (nếu có);

Tôi:.....; Cấp bậc, chức vụ:.....; Đơn vị:.....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tổ kiểm tra gồm (*):

- Ông (bà):, cấp bậc:, chức vụ:....., Tổ trưởng;
- Ông (bà):, cấp bậc:, chức vụ:....., Tổ phó;
- Ông (bà):, cấp bậc:, chức vụ:....., Thành viên;
- ... Ông (bà):, cấp bậc:, chức vụ:....., Thành viên;
- ... Ông (bà):, cấp bậc:, chức vụ:....., Thư ký.

Điều 2. Kiểm tra địa điểm có liên quan đến (5)..... về (6).....:

1. Tên địa điểm được kiểm tra (nếu có):

Địa chỉ:

Thông tin khác (nếu có):

2. Chủ sở hữu/Người quản lý địa điểm được kiểm tra:

Ông(Bà)/Tổ chức (tên tổ chức; họ, tên, chức danh của người đại diện theo pháp luật của tổ chức):

Sinh ngày:/...../.....; Quốc tịch:

Nghề nghiệp/Lĩnh vực hoạt động hoặc Mã số doanh nghiệp:.....

Địa chỉ:.....

Số CMND/CCCD/hộ chiếu hoặc GCN đăng ký kinh doanh/GP thành lập số:.....

Ngày cấp:.....; Nơi cấp:.....

(*) Số thành viên của Tổ kiểm tra theo yêu cầu thực tế, không cố định số lượng.

Thông tin khác (nếu có):

3. Nội dung kiểm tra:

Điều 3. Thời gian/Thời hạn kiểm tra: Từ ngày ... tháng ... năm ... đến hết ngày ... tháng ... năm ... (hoặc ngày, tính từ thời điểm công bố Quyết định kiểm tra).

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Quyết định được:

1. Giao cho Ông(Bà)/Tổ chức:..... để chấp hành.

Ông(Bà)/Tổ chức có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật.

2. Giao (7)..... - Tổ trưởng Tổ kiểm tra để tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;

- Lưu:.....

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ cấp bậc,
chức vụ, họ và tên)

-
- (1) Tên cơ quan chủ quản;
 - (2) Tên cơ quan ra quyết định kiểm tra;
 - (3) Ghi rõ địa danh hành chính;
 - (4), (6) Ghi một hoặc nhiều nội dung về: Môi trường/Tài nguyên/An toàn thực phẩm;
 - (5) Tội phạm hoặc vi phạm hành chính.
 - (7) Ghi rõ họ tên, chức vụ, đơn vị của Tổ trưởng Tổ kiểm tra.





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN

Kiểm tra địa điểm có liên quan đến tội phạm, vi phạm hành chính về (3).....

Thi hành Quyết định số .../QĐ-KTĐĐ ngày ... tháng ... năm ... của (4)..... về
việc kiểm tra địa điểm có liên quan đến (5)..... về (6)

Hôm nay, hồi giờ ngày tháng năm tại (7).....

Tổ kiểm tra gồm (*):

1. Ông (bà):, cấp bậc:, chức vụ:....., Tổ trưởng;
2. Ông (bà):, cấp bậc:, chức vụ:....., Tổ phó;
3. Ông (bà):, cấp bậc:, chức vụ:....., Thành viên;
- ... Ông (bà):, cấp bậc:, chức vụ:....., Thành viên;
- ... Ông (bà):, cấp bậc:, chức vụ:....., Thư ký.

Đại diện cơ quan (nếu có):, gồm có:

- Ông (bà):; chức vụ/chức danh:

- Ông (bà):; chức vụ/chức danh:

Với sự chứng kiến của (nếu có; ghi họ tên, địa chỉ, chức vụ, số CMND/CCCD/hộ chiếu):

Tiến hành kiểm tra địa điểm như sau:

I. Địa điểm được kiểm tra:

1. Tên địa điểm được kiểm tra (nếu có):

Địa chỉ:

Thông tin khác (nếu có):

2. Chủ sở hữu/Người quản lý địa điểm được kiểm tra:

Ông(Bà)/Tổ chức (tên tổ chức; họ, tên, chức danh của người đại diện theo pháp luật của tổ chức):

Sinh ngày:/...../.....; Quốc tịch:

Nghề nghiệp/Lĩnh vực hoạt động hoặc Mã số doanh nghiệp:.....

Địa chỉ:.....

Số CMND/CCCD/hộ chiếu hoặc GCN đăng ký kinh doanh/GP thành lập số:.....

Ngày cấp:.....; Nơi cấp:.....

Thông tin khác (nếu có):

II. Nội dung và kết quả kiểm tra:

1. Quá trình kiểm tra: (8).....

2. Kết quả kiểm tra: (9)

3. Mẫu vật được thu thập (nếu có):

(*) Ghi theo thực tế thành phần Tổ kiểm tra.

4. Tài liệu, chứng cứ liên quan đến hành vi vi phạm pháp luật được thu thập (nếu có):

III. Nhận xét, yêu cầu của Tổ kiểm tra:

1. Nhận xét:.....

2. Yêu cầu:.....

IV. Ý kiến của chủ sở hữu/người quản lý địa điểm được kiểm tra:

.....
Việc kiểm tra kết thúc hồi ... giờ ... ngày ... / ... / ... Biên bản kiểm tra được lập thành 02 bản có giá trị như nhau, giao cho (10)..... giữ 01 bản và Tổ kiểm tra giữ 01 bản, đã đọc cho mọi người cùng nghe, nhất trí và ký tên dưới đây./.

**CHỦ SỞ HỮU/NGƯỜI QUẢN LÝ ĐỊA ĐIỂM
ĐƯỢC KIỂM TRA**

*(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên/
Ký tên, ghi rõ họ tên)*

TỔ TRƯỞNG TỔ KIỂM TRA

(Ký tên, ghi rõ họ tên)


NGƯỜI LÀM CHỨNG (nếu có)

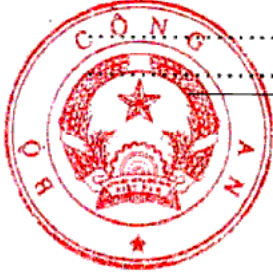
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

**ĐẠI DIỆN CHÍNH QUYỀN
HOẶC CÔNG AN ĐỊA PHƯƠNG (nếu có)**

(Ký tên, đóng dấu; ghi rõ họ tên)

-
- (1) Tên cơ quan chủ quản;
 - (2) Tên cơ quan ra quyết định kiểm tra địa điểm;
 - (3), (6) Ghi theo Quyết định kiểm tra;
 - (4) Chỉ chức vụ của người ban hành Quyết định kiểm tra/ Người ủy quyền ban hành Quyết định kiểm tra;
 - (5) Tội phạm hoặc vi phạm hành chính;
 - (7) Ghi địa chỉ nơi lập biên bản;
 - (8) Ghi diễn biến quá trình kiểm tra địa điểm;
 - (9) Ghi nhận kết quả kiểm tra theo nội dung kiểm tra;
 - (10) Chủ sở hữu/Người quản lý địa điểm được kiểm tra.





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(3)....., ngày ... tháng ... năm

GIẤY ĐỀ NGHỊ GIA HẠN KIỂM TRA

Kính gửi: (4)

Căn cứ Nghị định số 105/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Cảnh sát môi trường;

Căn cứ Điều ... Thông tư số 80/2019/TT-BCA ngày 27 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công an hướng dẫn thực hiện Điều 7, Điều 8 Nghị định số 105/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Cảnh sát môi trường,

Tôi:

Cấp bậc:

Chức vụ:

Trưởng đoàn kiểm tra/Tổ trưởng tổ kiểm tra theo Quyết định số /QĐ-KT... ngày ... tháng ... năm ... về việc kiểm tra (5) gia hạn thực hiện việc kiểm tra đối với đối tượng và nội dung nêu trong quyết định trên như sau:

1. Lý do gia hạn:

2. Thời gian gia hạn: ... ngày, tính từ ngày ... tháng ... năm

Đề nghị (7) xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: HSKT.

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ

(Ký tên, ghi rõ cấp bậc,
chức vụ, họ và tên)

(1) Tên cơ quan chủ quản;

(2) Tên cơ quan của người ủy quyền;

(3) Ghi rõ địa danh hành chính;

(4) (6) (7) Họ tên, cấp bậc, chức vụ của người ra quyết định kiểm tra hoặc người thay thế;

(5) Ghi theo tên quyết định kiểm tra.



.....(1)

.....(2)

/QĐ-GHKT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(3)....., ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH

Gia hạn kiểm tra (4).....

Căn cứ Nghị định số 105/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Cảnh sát môi trường;

Căn cứ Điều ... Thông tư số 80/2019/TT-BCA ngày 27 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công an hướng dẫn thực hiện Điều 7, Điều 8 Nghị định số 105/2015/NĐ-CP ngày 20 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Cảnh sát môi trường;

Sau khi xem xét Giấy đề nghị gia hạn kiểm tra ghi ngày... tháng... năm của Trưởng đoàn kiểm tra/Tổ trưởng tổ kiểm tra theo Quyết định số /QĐ-KT... ngày ... tháng ... năm ... về việc kiểm tra (5)

Tôi:.....; Cấp bậc, chức vụ:.....; Đơn vị:.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Gia hạn thực hiện việc kiểm tra theo Quyết định số /QĐ-KT... ngày ... tháng ... năm ... về việc kiểm tra (6) như sau:

1. Thời gian gia hạn: ... ngày, tính từ ngày ... tháng ... năm

2. Lý do gia hạn:

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Quyết định được:

1. Giao cho Ông(Bà)/Tổ chức:..... để chấp hành.

Ông(Bà)/Tổ chức có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện hành chính đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật.

2. Giao (7)..... để tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

- Lưu:.....

NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ cấp bậc,
chức vụ, họ và tên)

(1) Tên cơ quan chủ quản;

(2) Tên cơ quan ra quyết định kiểm tra;

(3) Ghi rõ địa danh hành chính;

(4) (5) (6) Ghi theo tên quyết định kiểm tra mà nay gia hạn kiểm tra theo đối tượng, nội dung quyết định đó;

(7) Ghi rõ họ tên, chức vụ, đơn vị Trưởng đoàn (Tổ) kiểm tra.





.....(1)
.....(2)
/KLKT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(3)....., ngày ... tháng ... năm ...

KẾT LUẬN KIỂM TRA

..... (4)

Thực hiện quy định của pháp luật và yêu cầu đảm bảo an ninh, trật tự trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, tài nguyên, an toàn thực phẩm, ngày ... tháng ... năm ...,(5) đã ban hành Quyết định số /QĐ-KT... ngày ... tháng ... năm ... về việc kiểm tra (6) và tiến hành kiểm tra theo quyết định này từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ... đối với (7)

Căn cứ báo cáo kết quả kiểm tra ngày ... tháng ... năm ... của Đoàn/Tổ kiểm tra; kết luận kiểm định/giám định ngày ... tháng ... năm ... của (8) (nếu có) và báo cáo kết quả xác minh ngày ... tháng ... năm ... của (9) (nếu có), kết luận như sau:

1. Nội dung kết luận (10):

2. Những nội dung, hồ sơ, tài liệu đã gửi/chuyển cơ quan, đơn vị chức năng để giải quyết theo quy định của pháp luật và chỉ đạo của cấp trên (nếu có):.....

3. Những vấn đề cơ quan (11) đang tiếp tục giải quyết theo quy định của pháp luật và chỉ đạo của cấp trên (nếu có):.....

4. Việc áp dụng pháp luật và kiến nghị, đề xuất:

Nơi nhận:

- (12);
- (13);
- (14);
- Lưu:.....

NGƯỜI KẾT LUẬN

(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ cấp bậc,
chức vụ, họ và tên)

- (1) Tên cơ quan chủ quản;
- (2) Tên cơ quan ra quyết định kiểm tra;
- (3) Ghi rõ địa danh hành chính;
- (4) (6) Ghi theo tên quyết định kiểm tra;
- (5), (11) Ghi đơn vị ban hành quyết định kiểm tra;
- (7) Ghi đối tượng kiểm tra;
- (8) Ghi tên cơ quan kiểm định/giám định;
- (9) Ghi tên đơn vị tiến hành xác minh;
- (10) Kết luận theo nội dung kiểm tra ghi trong quyết định kiểm tra, tập trung về thực trạng và tình hình chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường/tài nguyên/an toàn thực phẩm của đối tượng kiểm tra; những đối tượng, hành vi vi phạm pháp luật, diễn biến hành vi, tính chất, mức độ vi phạm, hậu quả thiệt hại gây ra (nếu có); những tài liệu, đồ vật, phương tiện đã tạm giữ, tịch thu để phục vụ đánh giá, điều tra, xử lý vi phạm pháp luật (nếu có);
- (12) Thủ trưởng cơ quan quản lý cấp trên của cơ quan người ra quyết định;
- (13) Đối tượng kiểm tra/chủ sở hữu/người quản lý đối tượng kiểm tra;
- (14) Cục Cảnh sát môi trường (nếu là kết luận của người có thẩm quyền ở Công an cấp tỉnh).